

Bản án số: 139/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Bà Hồ Lệ Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phụng Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185 /2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Yến L, sinh năm 1981 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 cũng như tại phiên tòa chị Trần Yến L trình bày:*

Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/8/2008. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống hôn nhân và ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không thể tiếp tục nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Thúy H, sinh ngày 06/9/2002 hiện nay cháu H đã trưởng thành và cháu Trần Mỹ N, sinh ngày 27/6/2016 hiện nay

cháu N do chị L đang nuôi dạy. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu N, chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ; áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, về hôn nhân chị L được ly hôn với anh Đ, về con chung giao cháu Trần Mỹ N, sinh ngày 27/6/2016 cho chị L nuôi dạy; chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Trần Yến L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Văn Đ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Đ có địa chỉ tại Ấp P, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án về các yêu cầu khởi kiện của chị L, anh Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/8/2008. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị L trình bày trong quá trình chung sống giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn

nhân không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, giữa các đương sự không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Giữa các đương sự có 02 con chung Trần Thị Thúy H, sinh ngày 06/9/2002 và cháu Trần Mỹ N, sinh ngày 27/6/2016. Hiện nay cháu H đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, cháu N do chị L đang nuôi dạy và chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, chị L đang nuôi dạy cháu N, trong khi đó anh Đ không có ý kiến đối với việc nuôi con chung và việc hoán đổi người nuôi con chung sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như tình cảm của cháu N. Do đó, cần tiếp tục giao cháu N cho chị L nuôi dạy là phù hợp theo quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định thời gian chung sống chị và anh không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết phù hợp tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 06/5/2020. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Yến L được ly hôn với anh Trần Văn Đ.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Mỹ N, sinh ngày 27/6/2016 (giới tính: Nữ) cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực

tiếp nuôi cháu N nhưng anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04 tháng 5 năm 2020 chị L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011145 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Khoa**